

Bản án số: 234/2025/HSPT

Ngày: 08-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: ông **Trần Đức Kiên**

ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Anh P** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Anh P, sinh năm 1973 tại Khánh Hòa. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn H**, sinh năm 1945 và bà **Phan Thị Ngọc Á** (đã chết); có vợ là **Phan Thị T**, sinh năm 1978 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh K**. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Trần Văn M** - Luật sư **Văn phòng L**, Đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh P và bà Lê Thị Minh P1 có quan hệ quen biết thân thiết thông qua làm ăn mua bán điện thoại với nhau từ năm 2006.

Từ khoảng tháng 07/2018, do cá độ bóng đá và làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Anh P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà P1 với cách thức và thủ đoạn như sau: P nói dối bà P1 là cần tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, bổ sung vốn làm ăn kinh doanh để vay bà P1 số tiền 1.600.000.000 đồng (trong đó vay làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng; bổ sung vốn làm ăn kinh doanh số tiền 600.000.000 đồng); rủ bà P1 góp số tiền 1.290.000.000 đồng mua đất chung tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để phân lô bán và chia lợi nhuận cùng nhau.

Để bà P1 tin tưởng, P làm giả 01 “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” có nội dung: Ông Nguyễn K, bà Võ Thị T1 chuyển nhượng cho Nguyễn Anh P thửa đất số 50, 51, 55, 27, 318, 52; tờ bản đồ số 43, 44, 72 với tổng diện tích 12.889 m2 tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Khi bà P1 ra N, P không có nhà nên liên lạc điện thoại cho Phạm Thị T2 (vợ P) đang ở nhà lấy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” nêu trên cho bà P1 xem nên bà P1 đã sử dụng điện thoại cá nhân chụp lại “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Ngoài ra T2 còn đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photocopy) tại xã N và xã N thuộc thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (của khách hàng đến thế chấp vay tiền Phương) cho bà P1 giữ làm tin. Tin lời P nói là thật, bà P1 đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Nguyễn Anh P tổng cộng số tiền 2.890.000.000 đồng (trong đó chuyển qua tài khoản 2.127.700.000 đồng, còn lại đưa tiền mặt 762.300.000 đồng).

Sau khi chiếm đoạt của bà P1 số tiền 2.890.000.000 đồng, P sử dụng vào mục đích cá độ bóng đá và trả nợ rồi cùng gia đình bỏ đi khỏi địa phương về quê vợ tại huyện T, tỉnh An Giang. Đến tháng 07/2019, bà P1 tìm đến gặp thì P vẫn nói dối rằng tiền của bà P1 đã dùng vào việc mua đất tại xã N và xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, đồng thời P viết “Giấy cam kết phương án trả nợ” nói trên và cam kết trong vòng 60 ngày sẽ bán các thửa đất này trả lại tiền cho bà P1, nếu không bán được sẽ chuyển nhượng toàn bộ lại cho bà P1 nhưng trên thực tế các thửa đất được ghi trong “Giấy cam kết phương án trả nợ” là của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà khách hàng đến thế chấp vay tiền của vợ chồng P (không thuộc quyền sở hữu của P). Sau đó, P và gia đình bỏ đi sinh sống tại nhiều địa phương như P, Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh để trốn tránh.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị xã N, lấy lời khai của ông Nguyễn K và bà Võ Thị T1 xác định mảnh đất 12.889m2 thuộc thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là của ông Nguyễn K và bà Võ Thị T1. Ông K, bà T1 chưa bao giờ chuyển nhượng cho P.

Tại bản Kết luận giám định số 1209 ngày 02/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Không phát hiện có dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong sáu

(06) File Image gửi giám định, kèm theo phụ lục số 1209 trích xuất sáu (06) File Image (trong đó có ảnh “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”).

Tại Kết luận giám định số: 526 ngày 15/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: Chữ viết qua sao chụp tài liệu “HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” mang tên “Nguyễn K”, “Võ Thị T1” dưới mục “Bên A” (Bên chuyển nhượng) là của Nguyễn Anh P.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, kèm theo hồ sơ vụ án, gồm có: 01 “Giấy cam kết phương án trả nợ” đề ngày 09/7/2019; 01 Bản photocopy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn K, Võ Thị T1 và Nguyễn Anh P; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T1; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T1; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” đứng tên hộ ông Phạm X và bà Văn Thị Thu Y; 01 USB lưu trữ hình ảnh “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T1 và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa Nguyễn K, Võ Thị T1 và Nguyễn Anh P.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường, khắc phục cho bị hại Lê Thị Minh P1 số tiền 211.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh P 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh P bảo lưu quan điểm bào chữa, nhất trí với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên có quan điểm: Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Anh P** trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo **P** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù ông **Nguyễn K** và bà **Võ Thị T1** chưa bao giờ chuyển nhượng cho **P** mảnh đất 12.889 m² thuộc **thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** nhưng **P** làm giả 01 “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” có nội dung: Ông **Nguyễn K**, bà **Võ Thị T1** chuyển nhượng cho **Nguyễn Anh P** thửa đất số 50, 51, 55, 27, 318, 52; tờ bản đồ số 43, 44, 72 với tổng diện tích 12.889m² tại **thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** để tạo lòng tin cho bà **Lê Thị Minh P1**. Ngoài ra **T2** còn đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photocopy) tại **xã N và xã N thuộc thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** (của khách hàng đến thế chấp vay tiền **Phương**) cho bà **P1** giữ làm tin. Tin lời **P** nói là thật, bà **P1** đã nhiều lần đưa tiền mặt với số tiền 762.300.000 đồng và chuyển khoản cho **Nguyễn Anh P** 2.127.700.000 đồng, tổng cộng số tiền mà **P** chiếm đoạt của bà **P1** là 2.890.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền nêu trên, **P** và gia đình bỏ đi sinh sống tại nhiều địa phương như **P, Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh** để trốn tránh.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Anh P** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Anh P** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo chiếm đoạt tiền của bà **P1** để tiêu xài cá nhân đến nay chỉ mới bồi thường cho bị hại 211.600.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt bằng một mức án tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thấy sai phạm, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, đã bồi thường 211.600.000 đồng cho bị

hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân của bị cáo để áp dụng các điều luật quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi lượng hình với bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu mới về việc bị hại đã nhận thêm 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường và tài liệu về việc gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy, mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

5. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Anh P** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Anh P**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh P** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

3. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Anh P** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Phạm Văn Hợp